

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của TGD SGDC TP.HCM)

**CÔNG TY CP SXKD XNK DV
& ĐT TÂN BÌNH (TANIMEX)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1208* /CV-ĐT&DA

TP.HCM, ngày *14* tháng *12* năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG
KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần SXKD XNK DV & ĐT Tân Bình (TANIMEX)
- Mã chứng khoán: TIX
- Địa chỉ trụ sở chính: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Điện thoại: (84-28) 38686377 Fax: (84-28) 38642060
- Người thực hiện công bố thông tin: **ÔNG TRẦN QUANG TRƯỜNG**
Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo thường niên năm tài chính từ 01/10/2019 đến 30/09/2020

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày *14*./12/2020 tại đường dẫn:

http://www.tanimex.com.vn/index.php?option=com_content&view=category&layout=blog&id=22&Itemid=138&lang=vi

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Trần Quang Trường
Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên 2020

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, ĐT&DA-HV-03 *Trần Quang Trường*



TRẦN QUANG TRƯỜNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU
DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
(TANIMEX)**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Niên độ từ 01/10/2019 đến 30/09/2020

TP.HCM, THÁNG 12 NĂM 2020

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301464904
- Vốn điều lệ : 300.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 300.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TPHCM
- Số điện thoại : (84-28) 386 86 378
- Số fax : (84-28) 386 42 060
- Website : www.tanimex.com.vn
- Mã cổ phiếu : TIX

Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (TANIMEX) là Công ty Dịch vụ và Cung ứng Xuất khẩu, được thành lập theo Quyết định số 1920/QĐ-UB ngày 11 tháng 11 năm 1981 của Ủy ban Nhân dân Quận Tân Bình.
- Năm 1992, Công ty Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình được thành lập theo quyết định số 218/QĐ-UB ngày 11/02/1992 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 30/12/2006, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành quyết định số 6686/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình thành Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu Tư Tân Bình.
- Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động vào ngày 18/07/2006 theo giấy CNĐKKD số 4103005032 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp. Ngày 13/7/2007, Công ty Tanimex đã hoàn thành thủ tục đăng ký và trở thành công ty đại chúng theo quy định của pháp luật. Ngày 25/01/2019, công ty đã thay đổi giấy CNĐKKD số 0301464904 lần thứ 17.
- Ngày 25/11/2009, Công ty Tanimex niêm yết cổ phiếu và chính thức trở thành Thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh:**
 - + Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng
 - + Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà xưởng, cao ốc văn phòng
 - + Kinh doanh bất động sản

- + Đầu tư tài chính và các hoạt động khác
- **Địa bàn kinh doanh:** Các hoạt động kinh doanh của công ty có địa bàn chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị: Tanimex là công ty cổ phần.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty Tanimex đến ngày 30/09/2020 gồm:

- a) Đại Hội Đồng Cổ Đông có thẩm quyền cao nhất công ty
- b) Hội Đồng Quản trị công ty do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu cử gồm 06 thành viên
 - Ban Kiểm Toán Nội Bộ trực thuộc Hội đồng quản trị
- c) Ban Điều hành công ty gồm: 01 Tổng Giám Đốc, 01 Phó Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng.
- d) Cơ cấu công ty gồm:

Mô hình của công ty Tanimex hiện nay gồm 04 phòng, ban chính bao gồm: Phòng Đầu Tư & Dự Án; Phòng Tài Chính Kế Toán; Phòng QTNS-HC và Ban Quản Lý Hạ tầng KCN.

Tanimex Group bao gồm:

- (1) Công ty CP SX KD XNK DV & ĐT Tân Bình (Tanimex)
- (2) Công ty CP SX DV Tân Bình Tanimex (Taniservice)
- (3) Công ty CP DV Vận chuyển Thịnh Phát
- (4) Công ty CP SX DV Hưng Phát
- (5) Công ty CP Đầu tư và Phát triển Minh Phát
- (6) Công ty CP Đầu tư & Dịch vụ Tân Phú
- (7) Công ty CP DV Giáo dục Trí Đức
- (8) Công ty CP DV Giáo dục Đức Nhân
- (9) Công ty CP Logistics Nam Sài Gòn

3.3 Các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của Tanimex
1	Công ty CP Logistics Nam Sài Gòn	Lô 3C-6, Đường số 12, KCN Long Hậu 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	50.000.000.000	49,00%

2	Công ty Cổ phần Sản xuất - Dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice)	Lầu 3-475D Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, TP.HCM	Sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp. Dịch vụ ăn uống, cây xanh, điện, nước sinh hoạt, cho thuê kho xưởng.	80,000,000,000	22,14%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Minh Phát	Lầu 4-475D Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, TP.HCM	Cho thuê kho xưởng, thương mại và dịch vụ...	60,000,000,000	23,00%
4	Công ty CP TM Dịch Vụ Bao Bì Kiến Đức	Lầu 1- 475D Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, TP.HCM	Sản xuất sản phẩm từ plastic	55,000,000,000	24,28%
5	Công ty Cổ phần Bao bì Việt Phát	Đường Tam Tân, Ấp Bến Đò 2, Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TPHCM	Sản xuất bao bì carton	50,000,000,000	35,00%
6	Công ty CP DV Giáo dục Đức Nhân	Văn phòng trung tâm dịch vụ khách hàng của CTCP Long Hậu, ấp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An	Giáo dục mầm non	40.000.000.000	45,00%
7	Công ty CP DV Vận chuyển Thịnh Phát	Lầu 3 - 475D Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, TP.HCM	Vận tải hàng hóa, cho thuê kho bãi, xe VP, Duy tu bảo dưỡng cây xanh, dịch vụ cung cấp điện mặt trời kho xưởng áp mái,...	30,000,000,000	48,33%
8	Công ty CP Đầu tư & Dịch vụ Tân Phú	Lầu 2 - 475D Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, TP.HCM	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	30.000.000.000	49,00%
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Giáo dục Trí Đức	1333A Thoại Ngọc Hầu, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TPHCM	Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, THCS và THPT, giáo dục nghề, đại lý du lịch .	30,000,000,000	23%

4. Định hướng phát triển

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc công ty đã xác định rõ mục tiêu, chiến lược phát triển như sau:

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Mục tiêu hoạt động của công ty là không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty, cổ đông. Cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tầm nhìn chiến lược trong trung hạn của Công ty Tanimex được Hội đồng quản trị xác định rõ:

- Giữ vững các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ làm nền tảng.
- Phát huy ngành nghề kinh doanh mũi nhọn là đầu tư hạ tầng và kinh doanh bất động sản, trở thành doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản trong nước và nước ngoài.
- Chuyển dịch các ngành nghề trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, xây dựng và sản xuất về các công ty thành viên liên kết thông qua hoạt động đầu tư tài chính.
- Đảm bảo tốc độ tăng trưởng trên mọi phương diện, tối đa hóa lợi nhuận công ty và quyền lợi của cổ đông.
- Hội nhập và phát triển, xây dựng công ty theo mô hình các công ty nước ngoài phù hợp với xu hướng quốc tế hóa và toàn cầu.

4.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Là chủ đầu tư KCN Tân Bình, công ty đã đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải công suất 4,000 m³/ngày-đêm cùng với hệ thống cây xanh cách ly bao phủ, công ty đã đạt chứng chỉ ISO 14000:9001 và là một KCN xanh, đạt nhiều giấy khen từ chính phủ đến địa phương.
- Đối với xã hội và cộng đồng, công ty Tanimex nhiều năm qua đã thực hiện nhiều chương trình vì cộng đồng, chung tay góp sức cùng chính quyền chăm lo cho bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, xây dựng nhà tình nghĩa tình thương, các chương trình ủng hộ giáo dục, học bổng, khám chữa bệnh, cứu trợ đồng bào miền trung bị ảnh hưởng của thiên tai, tích cực tuyên truyền phòng chống dịch covid-19 trong Công ty và ngoài xã hội.

5. Các rủi ro

- Nền kinh tế chịu nhiều tác động của tình hình kinh tế chính trị thế giới làm ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động thương mại, dịch vụ của công ty như ngành xăng dầu, nước uống tinh khiết, cơm công nghiệp, dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng .v.v..
- Chính sách tín dụng luôn thay đổi làm ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư của công ty.
- Chính sách vĩ mô: Luật, Nghị định của Chính Phủ về lĩnh vực đất đai, bất động sản còn nhiều thay đổi ảnh hưởng đến chiến lược đầu tư của công ty.
- Tình hình dịch bệnh covid-19 còn diễn biến phức tạp trên toàn cầu, khiến cho toàn bộ các nền kinh tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng.
- Tình hình thiên tai lũ lụt ở các tỉnh miền trung gây thiệt hại lớn về người và tài sản, ảnh hưởng đến sự phục hồi kinh tế của Việt Nam.

PHẦN II :
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh niên độ tài chính từ 01/10/2019 đến 30/09/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Dạng đầy đủ)

Cho niên độ tài chính từ ngày 01/10/2019 đến 30/09/2020

ST T	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		181.989.950.294	240.153.638.039
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	840.308.128
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		181.989.950.294	239.313.329.911
4	Giá vốn hàng bán	11		48.838.978.894	63.190.393.464
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		133.150.971.400	176.122.936.447
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		36.565.699.580	31.122.378.154
7	Chi phí tài chính	22		1.395.226.279	1.795.922.027
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	717.637.168
8	Chi phí bán hàng	24		40.977.773.443	47.216.384.663
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.146.082.720	24.276.289.194
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		105.197.588.538	133.956.718.717
11	Thu nhập khác	31		1.034.844.296	645.927.962
12	Chi phí khác	32		55.060	2.006.010.522
13	Lợi nhuận khác	40		1.034.789.236	-1.360.082.560
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		106.232.377.774	132.596.636.157
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		18.843.891.281	25.206.297.908
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		87.388.486.493	107.390.338.249
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.533	3.234
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		2.533	3.234

- Trong năm nay, doanh thu của công ty chủ yếu từ các hoạt động kinh doanh ổn định như: cho thuê mặt bằng, kho xưởng, đầu tư tài chính..., đồng thời do ảnh hưởng dịch covid 19 đã làm cho doanh thu năm nay giảm đạt 81% so với năm trước.

➤ Do doanh thu giảm nên lợi nhuận sau thuế của năm nay cũng giảm đạt 81,37% so với năm trước.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

S T T	Chỉ tiêu	Thực hiện niên độ TC từ 01/10/2018 đến 30/09/2019	Kế hoạch niên độ TC từ 01/10/2019 đến 30/09/2020	Thực hiện niên độ TC từ 01/10/2019 đến 30/09/2020	% TH /KH (từ 1/10/2019 -> 30/09/2020)	% TH năm nay/ năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	240.153.638.039	202.900.000.000	181.989.950.294	89,69%	75,78%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	840.308.128	-	-	-	0,00%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	239.313.329.911	202.900.000.000	181.989.950.294	89,69%	76,05%
4	Giá vốn hàng bán	63.190.393.464	51.800.000.000	48.838.978.894	94,28%	77,29%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	176.122.936.447	151.100.000.000	133.150.971.400	88,12%	75,60%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	31.122.378.154	22.100.000.000	36.565.699.580	165,46%	117,49%
7	Chi phí tài chính	1.795.922.027	1.100.000.000	1.395.226.279	126,84%	77,69%
8	Chi phí bán hàng	47.216.384.663	44.900.000.000	40.977.773.443	91,26%	86,79%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.276.289.194	25.800.000.000	22.146.082.720	85,84%	91,23%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	133.956.718.717	101.400.000.000	105.197.588.538	103,75%	78,53%
11	Thu nhập khác	645.927.962	100.000.000	1.034.844.296	1034,84%	160,21%
12	Chi phí khác	2.006.010.522	1.500.000.000	55.060	0,00%	0,00%
13	Lợi nhuận khác	-1.360.082.560	-1.400.000.000	1.034.789.236	-73,91%	-76,08%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	132.596.636.157	100.000.000.000	106.232.377.774	106,23%	80,12%
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.206.297.908	19.100.000.000	18.843.891.281	98,66%	74,76%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	107.390.338.249	80.900.000.000	87.388.486.493	108,02%	81,37%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.234	2.343	2.533	108,12%	78,34%

Lợi nhuận sau thuế năm nay đạt 108,02% so với kế hoạch đề ra, nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Năm nay, do ảnh hưởng dịch covid 19 đã làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm đạt 89,7% so với kế hoạch nhưng doanh thu tài chính tăng đạt 165,5% so với kế hoạch do công ty cơ cấu lại nguồn đầu tư tài chính: thoái vốn tại các đơn vị liên kết hoạt động ít hiệu quả dẫn đến tăng nguồn thu về lãi chuyển nhượng cổ phiếu, tăng lãi tiền gửi do điều chỉnh kỳ hạn tiền gửi các khoản tiền nhàn rỗi tạm thời và tăng cổ tức được chia của một số đơn vị liên kết hoạt động có hiệu quả cao.
- Việc kiểm soát tốt chi phí hoạt động trong năm đã dẫn đến tổng chi phí (chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp) giảm còn 89,3% so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự :**2.1 Danh sách Ban điều hành:**

STT	Họ tên (Bao gồm chức vụ)	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Quang Trường - Tổng Giám đốc	0	0
2	Nguyễn Đình Minh Triết – Phó TGD	79.554	0,27
3	Hà Thị Thu Thảo - Kế toán trưởng	1.837	0,01

TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ học vấn, chuyên môn	Quá trình công tác
1	Trần Quang Trường Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	13/08/1968	12/12 Cử nhân kinh tế Thạc sĩ QTKD	- Từ 1992 - 1997: công tác tại Ngân hàng Vietcombank - Từ 1998 đến nay: công tác tại công ty Tanimex với các chức vụ Phó Giám đốc khách sạn Phương Đông; Phó Ban Đầu tư Kinh doanh Hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình; Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp; Phó Chủ tịch HĐQT; Tổng Giám đốc.
2	Nguyễn Đình Minh Triết – Phó Tổng Giám Đốc	14/10/1979	12/12 Cử nhân tài chính ngân hàng	- Từ 2006 - 11/2014 : CTCP SX TM DV Kim Cương - Từ 12/2014 đến nay : Công ty Tanimex
3	Hà Thị Thu Thảo - Kế toán trưởng	13/03/1975	12/12 Cử nhân kinh tế - Ngành Tài chính kế toán	- Từ tháng 03/1999 - 06/2001: kế toán tổng hợp tại Công ty Thanh Niên Xung Phong TP. HCM trực thuộc lực lượng Thanh Niên Xung Phong TP.HCM - Từ tháng 7/2001 - 10/2001: kế toán tổng hợp công ty Vietien Tungshing. - Từ tháng 11/2001 - 3/2004: kế toán tổng hợp Công ty TNHH TM DV Thiên Nam Hoà - Từ tháng 2004 đến nay: + 4/2004 - 8/2009: kế toán tổng hợp + 9/2009 - 3/2014: kế toán phó

				+ 4/2014 - 12/2015: PGĐ P.TCKT + 01/01/2016 đến nay: Kế toán trưởng, Giám Đốc P.TCKT.
--	--	--	--	---

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành: không có

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tình hình lao động:

Diễn giải	Bình quân năm 2019	Bình quân năm 2020	Biến động trong năm
Tổng số lao động	110	109	-1 LĐ

- Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động :
 - Thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm, tiền lương
 - Khám sức khỏe tổng quát định kỳ một năm 01 lần cho toàn thể CBCNV
 - Thực hiện chương trình hỗ trợ cho CBNV vay lãi suất 0% giúp ổn định kinh tế gia đình, trong năm qua thông qua tổ chức Công Đoàn, đã thực hiện được 69 lượt cho CBNV được vay, tương đương 1.255 tỉ đồng.
 - Trao học bổng cho con em CBNV có thành tích học tập với kinh phí năm 2020 là 200 triệu đồng.
 - Thưởng cho con em CB-NV đạt thành thành tích trong học tập: 60 triệu.
 - Thu nhập bình quân năm 2020 người lao động tại công ty đạt 15.134.000 đồng/người/tháng, tăng 8% so với thu nhập bình quân năm 2019.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

a) Các khoản đầu tư lớn :

- Đối với Dự án Nhà ở XH tại khu công nghiệp Tân Bình II:



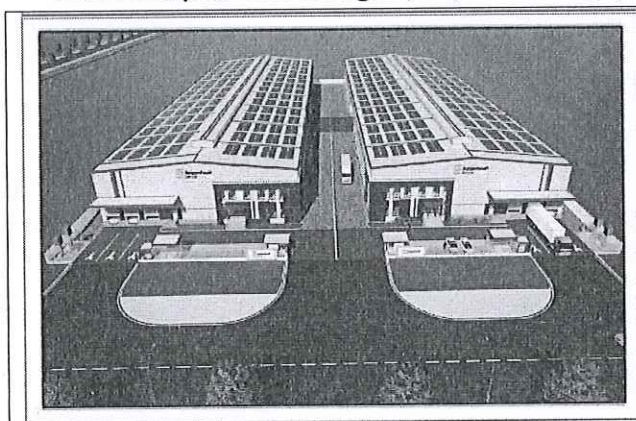
- Quy mô: 9 tầng, diện tích sàn xây dựng 33.073 m²
- Tổng số căn hộ: 329
- Vốn đầu tư dự kiến: 327 tỷ đồng

- Đối với Dự án Chung Cư Bình Tân tại KCN Tân Bình II (Milky Way):



- Quy mô: 16 tầng, diện tích sàn xây dựng 201.155m²
- Tổng số căn hộ: 1.960
- Vốn đầu tư dự kiến: 2.452 tỷ đồng

- Đối với dự án Kho Long Hậu tại Cần Giuộc, Long An



- Tổng diện tích đất : 38.500m²
- Vốn đầu tư dự kiến : 235 tỷ

b) Các công ty con, công ty liên kết :

b1) Tóm tắt hoạt động của các công ty con, công ty liên kết (đến 30/09/2020)

STT	TÊN CÔNG TY	<i>ĐVT : tr.đ</i>					
		KẾ HOẠCH 2020		THỰC HIỆN 2020		% TH 2020 / KH 2020	
		DT	LNST	DT	LNST	% DT	% LNST
1	Taniservice	383.645	21.211	304.256	26.905	79,3%	126,8%
2	Thịnh Phát	29.260	3.143	31.381	3.732	107,2%	118,7%
3	Minh Phát	93.808	30.369	173.740	32.838	185,2%	108,1%
4	Tân Phú	23.273	1.867	26.376	1.875	113,3%	100,4%
5	Trí Đức	111.300	6.750	98.468	3.661	88,5%	54,2%
6	Đức Nhân	1.210	251	2.170	916	179,3%	364,9%
7	Logistics Nam Sài Gòn	4.352	1.963	5.206	2.215	119,6%	112,8%
8	Việt Phát	180.000	5.000	117.963	3.579	65,5%	71,6%
9	Kiến Đức	376.000	10.300	274.095	9.883	72,9%	96,0%
	TỔNG CỘNG	1.568.786	170.629	1.367.211	180.298	87,2%	105,7%

b2) Tóm tắt tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết (đến 30/09/2020)

		<i>ĐVT : tr.đ</i>	
STT	CHỈ TIÊU	TANISERVICE	THỊNH PHÁT
<i>A. CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</i>			
1	Tài sản ngắn hạn	68.320	5.669
	_ Tiền & các khoản tương đương tiền	19.287	3.289
	_ Đầu tư TC ngắn hạn	20.000	
	_ Khoản phải thu ngắn hạn	13.132	1.931
	_ Hàng tồn kho	15.849	
	_ TS ngắn hạn khác	52	449
2	Tài sản dài hạn	163.948	47.157
	_ Khoản phải thu dài hạn		787
	_ TSCĐ	5.219	21.449
	_ BĐS đầu tư	4.733	
	_ TS dở dang dài hạn		4.591
	_ Đầu tư TC dài hạn	133.386	20.150
	_ TS dài hạn khác	20.610	180
	Tổng tài sản	<u>232.268</u>	<u>52.826</u>
1	Nợ phải trả	68.044	11.364
	_ Nợ ngắn hạn	56.402	4.065
	_ Nợ dài hạn	11.642	7.299
2	Nguồn vốn CSH	164.224	41.462
	_ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	54.624	6.293
	Tổng nguồn vốn	<u>232.268</u>	<u>52.826</u>

				<i>ĐVT: tr.đ</i>
STT	CHỈ TIÊU	MINH PHÁT	TÂN PHÚ	NAM SÀI GÒN
A. CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
1	Tài sản ngắn hạn	27.686	2.792	18.976
	_ Tiền & các khoản tương đương tiền	9.732	934	274
	_ Đầu tư TC ngắn hạn			12.366
	_ Khoản phải thu ngắn hạn	15.590	202	3.155
	_ Hàng tồn kho	1.195	1.224	
	_ TS ngắn hạn khác	1.169	432	3.181
2	Tài sản dài hạn	101.912	46.063	34.841
	_ Khoản phải thu dài hạn	24		341
	_ TSCĐ	5.846		
	_ BĐS đầu tư	5.481	4.048	
	_ TS dở dang dài hạn	404	4.609	971
	_ Đầu tư TC dài hạn	78.846	37.406	4.000
	_ TS dài hạn khác	11.311		29.529
	Tổng tài sản	129.598	48.855	53.817
1	Nợ phải trả	28.671	10.510	199
	_ Nợ ngắn hạn	27.258	4.510	199
	_ Nợ dài hạn	1.413	6.000	-
2	Nguồn vốn CSH	100.927	38.345	53.618
	_ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	33.425	3.217	3.618
	Tổng nguồn vốn	129.598	48.855	53.817

			<i>ĐVT : tr.đ</i>
STT	CHỈ TIÊU	TRÍ ĐỨC	ĐỨC NHÂN
A. CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
1	Tài sản ngắn hạn	14.020	29.154
	_ Tiền & các khoản tương đương tiền	2.013	7.883
	_ Đầu tư TC ngắn hạn	7.086	19.000
	_ Khoản phải thu ngắn hạn	4.377	2.071
	_ Hàng tồn kho		
	_ TS ngắn hạn khác	544	200
2	Tài sản dài hạn	43.573	11.522
	_ Khoản phải thu dài hạn	1.145	
	_ TSCĐ	25.623	
	_ BĐS đầu tư		
	_ TS dở dang dài hạn		1.522
	_ Đầu tư TC dài hạn	6.536	10.000
	_ TS dài hạn khác	10.269	
	Tổng tài sản	<u>57.593</u>	<u>40.676</u>
1	Nợ phải trả	17.389	182
	_ Nợ ngắn hạn	17.389	182
	_ Nợ dài hạn		
2	Nguồn vốn CSH	40.204	40.494
	_ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.247	494
	Tổng nguồn vốn	<u>57.593</u>	<u>40.676</u>

			<i>DVT : tr.đ</i>
STT	CHỈ TIÊU	KIẾN ĐỨC	VIỆT PHÁT
A. CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
1	Tài sản ngắn hạn	124.315	39.936
	_ Tiền & các khoản tương đương tiền	10.035	3.781
	_ Đầu tư TC ngắn hạn	-	500
	_ Khoản phải thu ngắn hạn	67.748	21.406
	_ Hàng tồn kho	31.424	14.249
	_ TS ngắn hạn khác	15.108	-
2	Tài sản dài hạn	74.031	42.597
	_ Khoản phải thu dài hạn	1.122	1.200
	_ TSCĐ	70.931	33.371
	_ BĐS đầu tư	-	-
	_ TS dở dang dài hạn	-	-
	_ Đầu tư TC dài hạn	-	-
	_ TS dài hạn khác	1.978	8.026
	Tổng tài sản	<u>198.346</u>	<u>82.533</u>
1	Nợ phải trả	138.008	23.522
	_ Nợ ngắn hạn	121.230	21.181
	_ Nợ dài hạn	16.778	2.341
2	Nguồn vốn CSH	60.339	57.812
	_ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.975	3.379
	Tổng nguồn vốn	<u>198.347</u>	<u>81.334</u>

4. Tình hình tài chính:**4.1 Tình hình tài chính:**

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	So sánh
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	1.141.130.750.624	1.141.886.970.588	100,07%
Doanh thu thuần	239.313.329.911	181.989.950.294	76,05%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	133.956.718.717	105.197.588.538	78,53%
Lợi nhuận khác	-1.360.082.560	1.034.789.236	-76,08%
Lợi nhuận trước thuế	132.596.636.157	106.232.377.774	80,12%
Lợi nhuận sau thuế	107.390.338.249	87.388.486.493	81,37%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	25%	25%	100,00%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm trước	Năm nay	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	4,21	3,61	
+ Hệ số thanh toán nhanh	3,16	3,59	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	31,29%	32,38%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	45,53%	47,88%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	0,58	0,88	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,22	0,16	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	44,87%	48,02%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	13,70%	11,32%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	9,96%	7,65%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	55,98%	57,80%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**5.1. Cổ phần:**

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành bình quân hiện nay là: 30.000.000 cp.

Loại cổ phần	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng
Phổ thông	2.316.001	27.683.999	30.000.000

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tổng số cổ đông tại thời điểm chốt danh sách ngày 25/11/2020 là 301 cổ đông, biến động giảm 3 cổ đông so với cùng kỳ. Thống kê chi tiết cơ cấu cổ đông NĐTTC 2020 như sau:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn	16.000.888	53,34	5	4	1
	- Trong nước	16.000.888	53,34	5	4	1
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác	14.855.770	46,66	296	26	270
	- Trong nước	13.972.258	46,57	285	23	262
	- Nước ngoài	26.854	0,09	11	3	8
TỔNG CỘNG		30.000.000	100,00	301	30	271
Trong đó: - Trong nước		29.973.146	99,91	290	27	263
- Nước ngoài		26.854	0,09	11	3	8

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty: Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

- Hoạt động kinh doanh của công ty tuân thủ các quy định về môi trường, luôn nâng cao ý thức chấp hành luật trong toàn thể các bộ công nhân viên, hướng các hoạt động sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường, tiết kiệm nước, tiết kiệm điện, góp phần vào cải thiện môi trường.

6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Nguồn nhân lực là một trong những nhân tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp, do đó chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, chăm lo đời sống người lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của doanh nghiệp

6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công tác thiện và hỗ trợ các tổ chức từ thiện tại địa bàn công ty hoạt động cũng như tại các địa phương trên toàn quốc là hoạt động thường xuyên định kỳ của công ty trong suốt năm, đồng thời công ty cũng giáo dục ý thức quan tâm đến cộng đồng đến toàn thể cán bộ nhân viên.

6.4 Chính sách liên quan đến người lao động

- Tình hình lao động:

Diễn giải	Bình quân năm 2019	Bình quân năm 2020	Biến động trong năm
Tổng số lao động	110	109	-1 LĐ

+ Thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm, tiền lương

+ Khám sức khỏe tổng quát định kỳ một năm 01 lần cho toàn thể CBCNV

+ Thực hiện chương trình hỗ trợ cho CBNV vay lãi suất 0% giúp ổn định kinh tế gia đình, trong năm qua thông qua tổ chức Công Đoàn, đã thực hiện được 69 lượt cho CBNV được vay, tương đương 1.255 tỉ đồng.

+ Trao học bổng cho con em CBNV có thành tích học tập với kinh phí năm 2020 là 200 triệu đồng.

+ Thưởng cho con em CB-NV đạt thành thành tích trong học tập: 60 triệu.

+ Thu nhập bình quân năm 2020 người lao động tại công ty đạt 15.134.000 đồng/người/tháng, tăng 8% so với thu nhập bình quân năm 2019.

PHẦN III : BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

1.1 Tình hình tài sản và nguồn vốn:

Diễn giải	Cuối kỳ	Đầu kỳ	So sánh cuối kỳ/đầu kỳ (%)
TÀI SẢN	1.141.886.970.588	1.141.130.750.624	100,1
Tài sản ngắn hạn	301.438.821.576	441.718.928.973	68,2
Tài sản dài hạn	840.448.149.012	699.411.821.651	120,2
NGUỒN VỐN	1.141.886.970.588	1.141.130.750.624	100,1
Nợ phải trả	370.388.035.460	357.014.935.735	103,7
Vốn chủ sở hữu	771.498.935.128	784.115.814.889	98,4

- Trong năm qua, do chưa triển khai đầu tư các dự án mới nên tình hình tổng tài sản và nguồn vốn tại thời điểm 30/9/2020 không thay đổi nhiều so với đầu kỳ

1.2 Một số chỉ tiêu tài chính đánh giá nội lực của Công ty:

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	Năm trước	Năm nay
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	4,21	3,61
+ Hệ số thanh toán nhanh	3,16	3,59
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	31,29%	32,38%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	45,53%	47,88%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	0,58	0,88
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,22	0,16
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	44,87%	48,02%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	13,70%	11,32%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	9,96%	7,65%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	55,98%	57,80%

1.3 Kết quả từ các hoạt động kinh doanh chính:



Trong niên độ tài chính 2020, các hoạt động kinh doanh chủ yếu và thường xuyên của công ty được triển khai đồng bộ, hiệu quả như kế hoạch năm đã đề ra, cụ thể như sau:

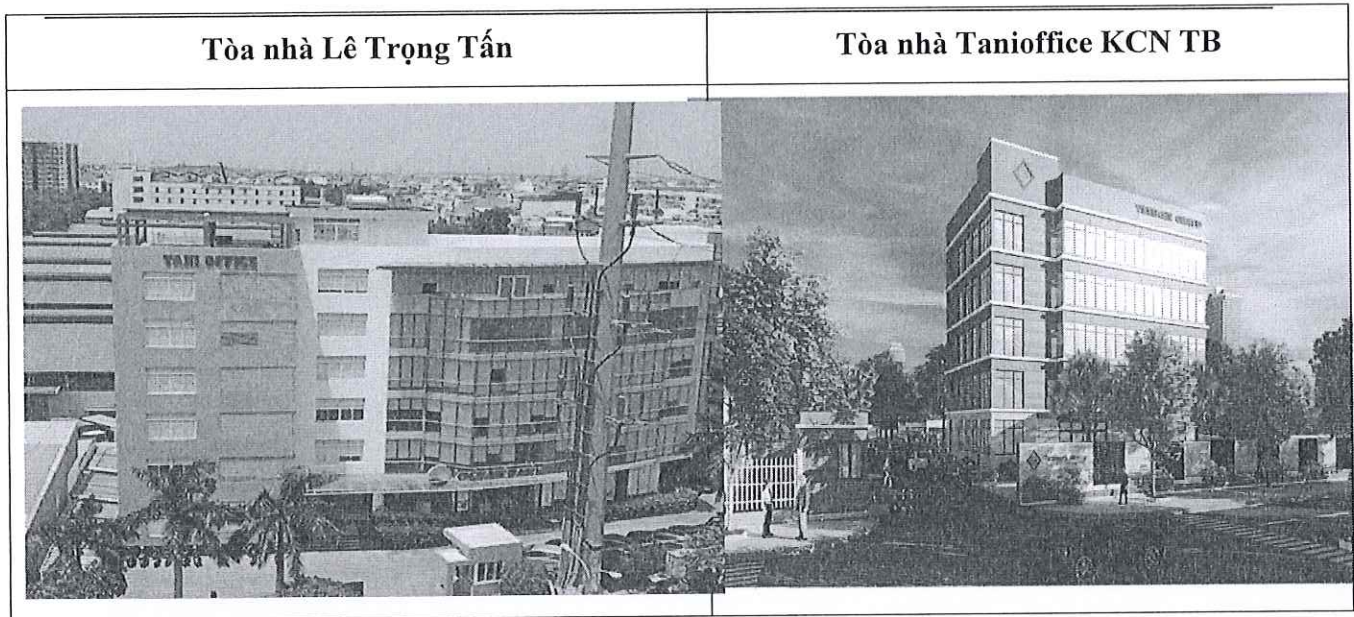
1.4 Hoạt động kinh doanh hạ tầng KCN

KCN Tân Bình luôn đảm bảo nhiệm vụ của công ty hạ tầng là duy tu cơ sở hạ tầng, tuân thủ vấn đề xử lý nước thải và môi trường và công tác bảo vệ an ninh trật tự và an toàn PCCC cho các doanh nghiệp đang hoạt động tại KCN.

1.5 Hoạt động kinh doanh cho thuê nhà xưởng:

- + Tiếp tục việc quản lý và kinh doanh hệ thống nhà xưởng tại 2 khu công nghiệp với tổng cộng 24 cụm kho và tổng diện tích kinh doanh là 110.877 m²
- + Ngoài hệ thống kho xưởng, loại hình kho xưởng mới 5 tầng kết hợp nhà xe cũng đã đưa vào kinh doanh lấp đầy 2 khu với tổng diện tích 14.100 m²

1.6 Hoạt động kinh doanh cho thuê cao ốc, văn phòng: hai tòa nhà cao ốc Tanioffice 5 tầng của công ty tại KCN Tân Bình đã kinh doanh cho thuê lấp đầy, ngoài ra công ty còn có thêm doanh thu từ một số mặt bằng khác.



1.7 Kết quả từ hoạt động đầu tư tài chính:

Từ nhiều năm qua, mục tiêu của công ty là mở rộng hoạt động đầu tư tài chính thông qua các hình thức đầu tư vốn vào các công ty liên doanh, liên kết và đầu tư tài chính thuần túy như mua cổ phiếu, trái phiếu. Tổng số vốn đầu tư trong hoạt động này đến nay là 239.764 tỷ đồng, bao gồm các nhóm đầu tư cụ thể như sau:

1.8 Đầu tư vốn tại các công ty liên kết đang hoạt động:

+ Biến động trong hoạt động đầu tư vốn năm 2020

- ✦ Thoái vốn 100% công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Tân Bình Tanimex (Tanicons)
- ✦ Đầu tư vốn vào công ty CP Dịch Vụ Hưng Phát hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và cho thuê kho xưởng, tỷ lệ đầu tư vốn là 19% VDL.

+ Báo cáo tình hình thay đổi tỷ lệ sở hữu đối với các đơn vị Tanimex có tham gia quản lý điều hành, cụ thể như sau:

STT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ	TĂNG/GIẢM TỶ LỆ SỞ HỮU (%)		GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (theo mệnh giá)	
			30/09/2019	30/09/2020	Số lượng CP	Thành tiền
1	Taniservice	80.000.000.000	23,00%	22,14%	1.771.000	17.710.000.000
2	Thịnh Phát	30.000.000.000	48,33%	48,33%	1.450.000	14.500.000.000
3	Hưng Phát	30.000.000.000	0,00%	19,00%	570.000	5.700.000.000
4	Minh Phát	60.000.000.000	23,00%	23,00%	1.380.000	13.800.000.000
5	Tân Phú	30.000.000.000	49,00%	49,00%	1.470.000	14.700.000.000
6	Trí Đức	30.000.000.000	40,25%	23,00%	690.000	6.900.000.000
7	Đức Nhân	40.000.000.000	30,00%	45,00%	1.800.000	18.000.000.000

8	Logistics Nam Saigon	50.000.000.000	49,00%	49,00%	2.450.000	24.500.000.000
	TỔNG CỘNG	-	-	-		115.810.00.0

+ Báo cáo tình hình thay đổi tỷ lệ sở hữu đối với các đơn vị chỉ đầu tư tài chính, Tanimex không tham gia điều hành:

STT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ	TĂNG/GIẢM TỶ LỆ SỞ HỮU (%)		GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (theo mệnh giá)	
			30/09/2019	30/09/2020	Số lượng CP	Thành tiền
1	Nam Trung Bộ	64.045.600.000	18,74%	18,74%	1.200.000	12.000.000.000
2	ITL Logistic	12.675.000.000	15,00%	15,00%	190.125	1.901.250.000
3	Kiến Đức	55.000.000.000	23,00%	24,28%	1.335.278	13.352.780.000
4	Việt Phát	50.000.000.000	35,00%	35,00%	1.750.000	17.500.000.000
5	Giá Trị	20.000.000.000	49,00%	19,50%	390.000	3.900.000.000
	TỔNG CỘNG	-	-	-		<u>48.654.030.000</u>

1.9 Cổ tức thu được từ hoạt động đầu tư vốn: năm 2020 có 9 đơn vị (trên tổng số 13 đơn vị đã đầu tư vốn) thực hiện chia cổ tức với tổng số tiền thu được là 12.164.917.000 đồng, tương đương tỷ lệ lãi bình quân là 7,4% trên tổng mệnh giá cổ phiếu đầu tư

1.10 Đầu tư trái phiếu:

Stt	Loại trái phiếu	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ		TRÁI TỨC 2019	
		Thị giá	Thành tiền	%	Thành tiền
1	Trái phiếu Công ty Minh Phát (trái tức : 8%/năm)	1.000.000	10.000.000.000	8,0%	800.000.000
2	Trái phiếu Ngân hàng BIDV	10.000.000	20.000.000.000	LS cơ bản + 1.2%	
3	Trái phiếu Ngân hàng VCB	100.000	10.000.000.000	LS cơ bản + 0.7%	
	TỔNG CỘNG		<u>40.000.000.000</u>		

1.11 Thông tin về tình hình sử dụng vốn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của năm trước

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Tổng số lượng phát hành thêm là 3.6000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, giá phát hành dự kiến 25.000 VND/cổ phiếu. Toàn bộ số lượng phát hành thêm 3.6000.000 cổ phiếu là phát hành cho cổ đông hiện hữu.

Trong năm trước, Công ty đã chào bán 3.600.000 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu và các đối tác tiềm năng để bổ sung vốn kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 17 tháng 01 năm 2019, số lượng cổ phiếu đã bán được là 3.600.000. Ngày 25 tháng 01 năm 2019 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 VND.

Mục đích phát hành: Dùng để sử dụng cho dự án Chung cư Bình Tân (Chung cư Milky Way) Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Thực tế thực hiện: Công ty đã thu đủ 90.000.000.000 VND từ đợt phát hành cổ phiếu này. Tuy nhiên đến nay, Công ty vẫn đang còn trong giai đoạn hoàn thành một số pháp lý dở dang của dự án nên chưa sử dụng nguồn tiền phát hành của đợt này. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2020, Công ty đã gửi ngân hàng có kỳ hạn toàn bộ số tiền 90.000.000.000 đồng để gia tăng lợi nhuận cho Công ty

1.12 Công bố thông tin hoạt động của doanh nghiệp:

- Công ty thực hiện tốt các quy định về công khai, minh bạch hoạt động của doanh nghiệp.
- Trong niên độ tài chính, đã thực hiện : Hơn 38 nội dung công bố thông tin tại cổng thông tin điện tử của công ty (www.tanimex.com.vn); Sở GD&ĐT TP.HCM và UBCKNN trong đó bao gồm các loại thông tin như:
 - + Các báo cáo tài chính hàng quý, năm, báo cáo tài chính đã được kiểm toán và các loại báo cáo giải trình về báo cáo tài chính; các thông tin liên quan đến cổ đông, tổ chức đại đồng hội cổ đông thường niên.v.v.
 - + Các báo cáo quản trị nội bộ 6 tháng và năm, báo cáo thường niên.
 - + Các báo cáo về giao dịch nội bộ; giao dịch của người có liên quan; giao dịch của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành.

KẾT LUẬN:

Niên độ tài chính 2020 đã kết thúc trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng gặp rất nhiều khó khăn vì đại dịch Covid-19 khiến cho nhiều doanh nghiệp rơi vào tình trạng phá sản, hàng trăm ngàn lao động bị mất công ăn việc làm, điều may mắn đó là khi công ty Tanimex là một trong số những doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh ít bị tác động trong thời kỳ khó khăn này.

Ban Điều Hành công ty đã linh hoạt trong công tác điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu về lợi nhuận sau thuế nhằm thực hiện đúng cam kết với cổ đông về việc chi trả cổ tức 25%/năm đồng thời vẫn chăm lo tốt cho đội ngũ người lao động của công ty. Trong tình hình cả hệ thống chính trị nước ta vừa phải chung tay chống dịch Covid-19 vừa phải thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế và củng cố kiện toàn bộ máy để tiến tới Đại hội Đảng các cấp và toàn quốc, nhìn chung đã làm ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thủ tục pháp lý hai dự án trọng điểm của công ty. Tuy nhiên trong khó khăn cũng là một cơ hội để Ban điều hành rà soát nội bộ, siết chặt công tác kiểm tra giám sát nội bộ để chuẩn bị sẵn sàng cho kế hoạch năm 2021.

2. Tình hình tài chính**a) Tình hình tài sản**

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	So sánh
Tổng tài sản	1.141.130.750.624	1.141.886.970.588	100,07%
Tài sản ngắn hạn	441.718.928.973	301.438.821.576	68,24%
Tiền và tương đương tiền	75.999.821.434	120.445.435.710	158,48%
Các khoản đầu tư TCNH	180.000.138.889	140.500.000.000	78,06%
Các khoản phải thu NH	74.941.839.196	37.616.148.310	50,19%
Hàng tồn kho	109.781.372.186	1.387.082.469	1,26%
Tài sản ngắn hạn khác	995.757.268	1.490.155.087	149,65%
Tài sản dài hạn	699.411.821.651	840.448.149.012	120,16%
Các khoản phải thu DH	-	18.719.707.000	-
Tài sản cố định	22.653.050.286	23.449.629.869	103,52%
Bất động sản đầu tư	245.888.282.385	240.187.938.300	97,68%
Tài sản dở dang dài hạn	16.405.962.607	113.656.757.116	692,78%
Các khoản đầu tư TCDH	262.612.436.911	266.728.446.947	101,57%
Tài sản dài hạn khác	151.852.089.462	177.705.669.780	117,03%

Tổng tài sản năm nay hầu như không biến động so với năm trước, tuy nhiên có sự dịch chuyển lớn từ tài sản ngắn hạn sang tài sản dài hạn, cụ thể như sau:

- Tài sản ngắn hạn giảm còn 68,24% chủ yếu do công ty phân loại lại các khoản nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án đang trong quá trình hoàn tất thủ tục pháp lý, dự kiến thời gian thực hiện dự án còn kéo dài chuyển sang tài sản dài hạn theo quy định của chuẩn mực kế toán. Việc phân loại lại đã dẫn đến “Các khoản phải thu ngắn hạn” giảm còn 50,19% và “Hàng tồn kho” giảm còn 1,26%. Bên cạnh đó, việc điều chỉnh kỳ hạn của các khoản tiền gửi đến hạn trong kỳ đã làm thay đổi tỷ lệ tăng giảm giữa khoản mục “Tiền và tương đương tiền” tăng lên 158,48% và “Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn” giảm còn 78,06%.

- Tài sản dài hạn tăng lên 120,16% là do sự phân loại lại và điều chuyển từ tài sản ngắn hạn sang tài sản dài hạn đã làm tăng “Các khoản phải thu dài hạn” và “Tài sản dở dang dài hạn” tăng lên 692,78%. Ngoài ra, trong kỳ phát sinh các chi phí đầu tư liên quan đến dự án KCN Long Hậu làm cho “Tài sản dài hạn khác” tăng 117,03%.

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	So sánh
Nợ phải trả	357.014.935.735	369.698.060.532	103,55%
Nợ ngắn hạn	104.908.946.884	83.491.721.569	79,58%
Phải trả người bán	22.410.748.039	3.854.553.094	17,20%
Vay và nợ thuê tài chính NH	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	34.796.696.729	19.831.632.562	56,99%
Các khoản nợ ngắn hạn khác	47.701.502.116	59.805.535.913	125,37%
Nợ dài hạn	252.105.988.851	286.206.338.963	113,53%
Vay và nợ thuê tài chính DH	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	62.343.946.017	96.594.887.194	154,94%
Các khoản nợ dài hạn khác	189.762.042.834	189.611.451.769	99,92%

Nợ phải trả cuối năm nay biến động tăng không đáng kể so với cuối năm trước, đạt tỷ lệ 103,55%, cụ thể như sau:

- Nợ ngắn hạn giảm còn 79,58% là do trong kỳ công ty thanh toán các khoản công nợ phải trả đến hạn làm cho khoản “Phải trả người bán ngắn hạn” giảm còn 17,20%, cùng với điều chuyển công nợ phải trả khác từ ngắn hạn sang dài hạn làm cho “Phải trả ngắn hạn khác” giảm còn 56,99%. “Các khoản nợ ngắn hạn khác” tăng lên 125,37% là do Công ty ghi nhận số thuế TNDN và thuế GTGT chưa nộp vào ngân sách Nhà Nước do công ty thuộc đối tượng được hưởng chính sách gia hạn nộp thuế của Chính phủ.

- Nợ dài hạn tăng 113,53% từ việc điều chuyển công nợ phải trả khác từ ngắn hạn sang dài hạn làm cho công nợ “Phải trả dài hạn khác” tăng lên 154,94%.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán :

Địa chỉ website công bố báo cáo tài chính, mục số 2 :

http://www.tanimex.com.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=672:bao-cao-tai-chinh-2020-va-giai-trinh-ket-qua-cua-nien-do-tai-chinh-2020&catid=23&Itemid=157&lang=vi

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

PHẦN IV:
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- HĐQT đã định hướng hoạt động SXKD công ty Tanimex đạt hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, mang lại giá trị gia tăng cho cổ đông.
- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Tổng Giám Đốc điều hành trong việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT;
- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định với Ban Tổng giám đốc điều hành;
- Các đề xuất của Ban Tổng giám đốc điều hành đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời;
- Công ty đã chấp hành đầy đủ, kịp thời các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Nhà nước.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

HĐQT thực hiện hoạt động giám sát đối với Ban Tổng Giám Đốc thông qua bảng phân công nhiệm vụ rõ ràng cụ thể, luôn theo dõi sát sao tình hình hoạt động của công ty, giám sát và có những chỉ đạo định hướng và hỗ trợ kịp thời cho Ban điều hành thông qua ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, tổ chức bộ máy công ty và các vấn đề quan trọng khác trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với các quy chế, quy định hiện hành của công ty và pháp luật.

Năm 2020, Ban Tổng Giám Đốc công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao: chỉ tiêu Doanh thu, lợi nhuận, đảm bảo cổ tức cho cổ đông 25%/ năm.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Duy trì sức mạnh tập thể, phát triển kinh doanh dựa trên nền tảng tiềm lực tài chính, năng lực lãnh đạo, trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên là sức mạnh không phải đơn vị nào cũng có được, Công ty Tanimex tự tin với kế hoạch phát triển của đơn vị và tự tin đem lại lợi nhuận cho cổ đông

PHẦN V:
QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số lượng CP TIX có quyền biểu quyết	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT	10/01/2020-31/01/2025	402.144	1,34%
2	Trần Quang Trường	Phó Chủ Tịch HĐQT, TGĐ	10/01/2020-31/01/2025		
3	Nguyễn Thị Thu Giang	TV độc lập HĐQT, trưởng ban kiểm toán nội bộ	10/01/2020-31/01/2025	16.700	0,06%
4	La Ngọc Thông	TV HĐQT	10/01/2020-31/01/2025		
5	Phan Ngọc Liêm	TV độc lập HĐQT	10/01/2020-31/01/2025		
6	Trần Thị Thanh Nhân	TV HĐQT	10/01/2020-31/01/2025		

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT	05	100%	
2	Trần Quang Trường	Phó Chủ Tịch HĐQT, TGĐ	05	100%	
3	Nguyễn Thị Thu Giang	TV độc lập HĐQT, trưởng ban kiểm toán nội bộ	05	100%	
4	La Ngọc Thông	TV HĐQT	05	100%	
5	Phan Ngọc Liêm	TV độc lập HĐQT	05	100%	
6	Trần Thị Thanh Nhân	TV HĐQT	05	100%	

b)Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đảm bảo số lượng thành viên độc lập HĐQT chiếm 1/3 bao gồm hai (02) thành viên gồm: Ông Phan Ngọc Liêm và Bà Nguyễn Thị Thu Giang. Từ ngày 08/1/2020 đến nay, theo đánh giá chung của HĐQT về hoạt động của 02 thành viên độc lập này như sau:

- Tham gia tích cực vào công tác xây dựng chiến lược, hoạch định kế hoạch SXKD công ty và thảo luận các nội dung tại các cuộc họp.
- Đảm bảo sự độc lập và khách quan khi tham gia biểu quyết các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT và không bị mối quan hệ hay tình cảm cá nhân với các thành viên khác của HĐQT chi phối ảnh hưởng đến quyết định của mình.
- Tham gia phản biện mang tính xây dựng, đóng góp trong các cuộc họp HĐQT và có tính độc lập trong đánh giá, nhận xét đặc biệt là với vai trò được phân công là Trưởng Ban Kiểm Toán Nội Bộ, Bà Nguyễn Thị Thu Giang đã thể hiện tốt nhiệm vụ của mình trong việc giám sát công tác quản trị công ty và các giao dịch nội bộ, đảm bảo hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ quy định pháp luật

c)Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

St t	Họ tên	Chức vụ	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thu Giang	Trưởng Ban	079160001917 30/08/2016 CA TP.HCM	154/68 Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, TP.HCM	16.700	0,06%	
2	Nguyễn Văn Ngọc	Phó Ban	022982115 02/05/2008 CA TP.HCM	229/4A đường Tây Thạnh, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, THCM			
3	Phạm Ngọc Vân	Thành viên	024452695 24/01/2006 CA TP.HCM	320/66 Đoàn Văn Bơ Phường 10 Quận 4 TP.HCM			
4	Nguyễn Ngọc Vy Lâm	Thành viên	079080008299 05/12/2018	22 P1L1 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Q1			
5	Đoàn Phương Đông	Thành viên	079077012503 10/01/2020	76 Võ Thành Trang, phường 11, quận Tân Bình, Tp.HCM	4.175	0,01%	

Ban Kiểm Toán Nội Bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị được thành lập theo quyết định số 08/QĐ-HĐQT ngày 09/3/2020, bao gồm 05 thành viên, trong đó Bà Nguyễn Thị Thu Giang- thành viên độc lập HĐQT giữ chức vụ Trưởng Ban, các thành viên còn lại do HĐQT phân công cán bộ kiêm nhiệm.

Trong niên độ tài chính vừa qua, Ban Kiểm Toán đã thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Ban hành Quy Chế Kiểm Toán Nội Bộ theo quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 01/4/2020 làm cơ sở cho hoạt động của các thành viên
- Trong niên độ đã tiến hành 02 phiên họp định kỳ với các công tác trọng tâm:
 - + Tổ chức công tác kiểm toán nội bộ các báo cáo quý, báo cáo 06 tháng và báo cáo kiểm toán năm 2020 của Tổng Giám Đốc
 - + Giám sát việc thực hiện Quy chế Quản Trị công ty và việc tổ chức công bố thông tin của công ty theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- Tham dự đầy đủ 05 phiên họp của HĐQT và tiếp cận đầy đủ các nội dung, nghị quyết của HĐQT .
- Đảm bảo tính độc lập, khách quan và tuân thủ quy định khi lập báo cáo kiểm toán nội bộ.

d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát : Không có

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Định mức thù lao/lương/tháng	Thưởng HĐKD 2020	Quyền lợi khác
A- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT	Lương : 147.000.000 Thù lao HĐQT: 12.000.000	441.000.000	Không
2	Trần Quang Trường	Phó CT HĐQT	10.000.000		không
3	Nguyễn Thị Thu Giang	TV độc lập HĐQT, trưởng ban kiểm toán nội bộ	8.000.000	Không	không
4	La Ngọc Thông	TV HĐQT	6.000.000	không	không
5	Phan Ngọc Liêm	TV độc lập HĐQT	6.000.000	không	Không
6	Trần Thị Thanh Nhân	TV HĐQT	6.000.000	không	không
B - BAN ĐIỀU HÀNH					
1	Trần Quang Trường	Tổng Giám đốc	126.000.000	378.000.000	Không

3	Nguyễn Đình Minh Triết	Phó TGD	96.600.000	289.800.000	Không
4	Hà Thị Thu Thảo	Kế toán trưởng	58.800.000	176.400.000	Không

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Minh Phát	Người có liên quan đến Ông Trần Quang Trường, Nguyễn Đình Minh Triết	2.100.000	7%	2.400.000	8%	Tăng tỷ lệ sở hữu (Giao dịch từ ngày 06/05/2020 - 04/06/2020)
02	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ - Sản Xuất Tân Bình (Taniservice)	Người có liên quan đến Ông Trần Quang Trường, Nguyễn Đình Minh Triết	3.000.000	10%	3.300.000	11%	Tăng tỷ lệ sở hữu (Giao dịch ngày 06/05/2020 - 04/06/2020)
03	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Logistics Nam Sài Gòn	Người có liên quan đến Ông Nguyễn Đình Minh Triết	1.766.570	5,89%	400.000	1,33%	Giảm tỷ lệ sở hữu (Giao dịch từ ngày 05/05/2020 - 03/06/2020)
04	Bà Trần Thị Trung Thu	Người có liên quan đến Ông La Ngọc Thông	119.318	0,40%	0	0%	Giảm tỷ lệ sở hữu (Giao dịch từ ngày 02/07/2020 đến 31/07/2020)
05	Bà Võ Nguyệt Thùy Vân	Nhười có liên quan đến Ông Nguyễn Trung Hiếu	2.398.792	7,9959%	2.500.000	8,33%	Tăng tỷ lệ sở hữu (Giao dịch ngày 06/07/2020)

b) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- ❖ Theo BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2020 đã được kiểm toán và các tài liệu TIX cung cấp cho thấy, Công ty có giao dịch với các bên liên quan của Công ty về mua bán hàng hóa dịch vụ, cụ thể như sau:

TT	Các bên liên quan	Tổng giá trị giao dịch (đồng)		Ghi chú
		Cty Tanimex bán ra	Cty Tanimex mua vào	
1	CTCP Dịch vụ Vận chuyển Thịnh Phát	9.685.362.002	7.375.723.948	
2	CTCP Đầu tư và Dịch vụ Tân Phú	-	6.048.234.741	
3	CTCP SX DV Hưng Phát	1.778.968.620		
4	CTCP Đầu tư và Phát triển Minh Phát	4.854.333.650	8.410.729.679	
5	CTCP Sản xuất - Dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice)	1.047.603.770	634.396.129	
6	CTCP Giáo dục Trí Đức	4.600.000.000	297.049.000	

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty :

- Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty.
- Đào tạo bên ngoài: Công ty đã cử 45 lượt CBNV đi học các lớp chuyên môn nghiệp vụ với chi phí 38.520.000 đồng.
- Đào tạo nội bộ: thông qua các chương trình huấn luyện đội nhóm, đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa.
- Chương trình trẻ hoá đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ nhân viên được công ty đặc biệt quan tâm để tạo nguồn lực cho các kế hoạch phát triển trong thời gian tới của Tanimex.

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ
VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 16 tháng 11 năm 2020, từ trang 06 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Địa chỉ website công bố, cung cấp báo cáo tài chính :

http://www.tanimex.com.vn/index.php?option=com_content&view=category&layout=blog&id=23&Itemid=157&lang=vi

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN QUANG TRƯỜNG